

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2020 - 2021
(Kèm theo quyết định số **72/QĐ-DSG-CTSV**, ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	Học phí HK II	Phần trăm được giảm	Số tiền được giảm	GHI CHÚ
I. ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH								
1	DH31702298	Đỗ Trung	Thắng	D17_DDT04	10,180,000	35%	3,563,000	
2	DH71703330	Lê Thị Lam	Giang	D17_TC02	8,875,000	35%	3,106,250	
3	DH71704818	Trần Quyên Chung Chí	ý	D17_TC02	8,875,000	45%	3,993,750	
4	DH51703353	Lý Nhật	Hào	D17_TH08	7,786,000	30%	2,335,800	
5	DH91702180	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	D17_TK4NT	12,256,000	35%	4,289,600	
6	DH71805868	Trần Thị út	Trinh	D18_MAR05	8,602,000	30%	2,580,600	
7	DH71803928	Thân Trọng	Hiếu	D18_TC03	10,120,000	20%	2,024,000	
8	DH81801242	Trần Xuân	Hậu	D18_XD01	12,996,000	25%	3,249,000	
9	DH81801078	Dương Huỳnh Anh	Kiệt	D18_XD01	12,996,000	30%	3,898,800	
10	DH71901643	Phan Thị Kim	Thảo	D19_QT01	11,233,000	40%	4,493,200	
11	DH71901184	Nguyễn Thị Huệ	Anh	D19_QT02	11,233,000	35%	3,931,550	
12	DH71900243	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	D19_QT03	11,233,000	20%	2,246,600	
13	DH71901563	Huỳnh Thị Minh	Thanh	D19_QT04	11,233,000	30%	3,369,900	
14	DH71900883	Võ Thị Ngọc	Quý	D19_QT06	11,233,000	20%	2,246,600	
15	DH51901873	Trần Ngọc Thanh	Tâm	D19_TH06	10,727,000	20%	2,145,400	
16	DH81901128	Huỳnh Hữu	Bằng	D19_XD01	14,109,000	30%	4,232,700	
17	DH81900671	Nguyễn Thanh	Bình	D19_XD01	14,109,000	30%	4,232,700	
18	DH81902976	Lưu Đức	Chung	D19_XD01	14,109,000	30%	4,232,700	
19	DH81900672	Trần Hải	Đăng	D19_XD01	14,109,000	35%	4,938,150	
20	DH81900441	Nguyễn Trương	Đạo	D19_XD01	14,109,000	40%	5,643,600	
21	DH81901601	Nguyễn Ngọc	Duy	D19_XD01	14,109,000	45%	6,349,050	
22	DH81901073	Hồ Thị Anh	Thư	D19_XD01	14,109,000	25%	3,527,250	
23	DH81904740	Nguyễn Đăng	Triều	D19_XD01	14,109,000	50%	7,054,500	
24	DH81905024	Nguyễn Thị Kim	Yến	D19_XD01	14,109,000	30%	4,232,700	
25	DH12006338	Lý Phi	Tòng	D20_CDT02	12,810,000	25%	3,202,500	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	Học phí HK II	Phần trăm được giảm	Số tiền được giảm	GHI CHÚ
26	DH72002844	Phạm Thị Việt	Thủy	D20_QT04	12,810,000	25%	3,202,500	
27	DH72003517	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	D20_QT08	12,810,000	20%	2,562,000	
28	DH72005460	Hứa Thị Thanh	Phương	D20_QT09	12,810,000	45%	5,764,500	
29	DH72006639	Thái Nhân	Hậu	D20_QT10	12,810,000	20%	2,562,000	
30	DH72006591	Sái Thị Kiều	Mai	D20_QT11	12,810,000	20%	2,562,000	
31	DH72007224	Bàn Ngọc	Long	D20_QT12	12,810,000	35%	4,483,500	
Tổng cộng I							116,256,400	

II. ĐỐI TƯỢNG ANH CHỊ EM RUỘT

1	DH11702471	Nguyễn Văn	Vinh	D17_CDT04	4,676,000	10%	467,600	
2	DH71902823	Nguyễn Thị Hoài	Thương	D19_QT01	11,233,000	10%	1,123,300	
3	DH91804184	Trần Tuấn	Lợi	D18_TK3DH	8,440,000	10%	844,000	
4	DH51804598	Trần Phước	Hải	D18_TH14	8,602,000	10%	860,200	
5	DH31701053	Nguyễn Hồng	Đức	D17_DDT01	10,180,000	10%	1,018,000	
6	DH71701043	Nguyễn Thị Mỹ	Xuân	D17_TC01	8,875,000	10%	887,500	
7	DH51704984	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D17_TH05	8,798,000	10%	879,800	
8	DH72004208	Nguyễn Hữu	Lợi	D20_QT06	12,810,000	10%	1,281,000	
9	DH61601540	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	D17_TP04	5,910,000	10%	591,000	
10	DH61702253	Nguyễn Thanh	Vinh	D17_TP03	5,910,000	10%	591,000	
11	DH51700246	Đặng Chí	Hoàng	D17_TH03	15,314,000	10%	1,531,400	
12	DH71902191	Đặng Chí	Hung	D19_QT09	11,233,000	10%	1,123,300	
13	DH51802335	Trần Anh	Tài	D19_TH05	10,727,000	10%	1,072,700	
14	DH51902485	Trần Thị Tuyết	Trình	D19_TH05	10,727,000	10%	1,072,700	
15	DH81703975	Lê Tấn	Phước	D17_XD02	4,244,000	10%	424,400	
16	DH91805657	Lê Trí	Thông	D18_TK3DH	10,087,000	10%	1,008,700	
17	CD31801461	Nguyễn Văn Minh	Thuận	C18_DDT01	5,904,000	10%	590,400	
18	DH31801460	Nguyễn Văn Minh	Duy	D18_DDT01	11,589,000	10%	1,158,900	
19	DH51701611	Nguyễn Huỳnh Minh	Tâm	D17_TH04	15,314,000	10%	1,531,400	
20	DH51701609	Nguyễn Huỳnh Minh	Thơ	D17_TH04	15,314,000	10%	1,531,400	
21	DH71703525	Lư Mỹ	Kỳ	D17_TC01	8,875,000	10%	887,500	
22	DH51905311	Lư Chung Thái	Ngọc	D19_TH09	7,185,000	10%	718,500	
23	DH71803683	Võ Thị Thu	Trang	D18_TC02	10,120,000	10%	1,012,000	
24	DH52002664	Võ Thị Mỹ	Lệ	D20_TH03	12,810,000	10%	1,281,000	
25	DH71806449	Nguyễn Huyền	My	D18_TC03	10,120,000	10%	1,012,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	Học phí HK II	Phần trăm được giảm	Số tiền được giảm	GHI CHÚ
26	DH52003771	Nguyễn Lê	Huy	D20_TH03	12,810,000	10%	1,281,000	
27	DH71902818	Nguyễn Thị Bảo	Trang	D19_QT01	11,233,000	10%	1,123,300	
28	DH71902817	Nguyễn Thị Bảo	Trần	D19_QT01	11,233,000	10%	1,123,300	
29	DH51802294	Phạm Phú	Tài	D18_TH07	12,576,000	10%	1,257,600	
30	DH52002772	Phạm Phú	Đức	D20_TH03	12,810,000	10%	1,281,000	
31	DH72005590	Hoàng Ngô Bảo	Trần	D20_QT09	12,810,000	10%	1,281,000	
32	DH72005569	Hoàng Ngô Anh	Thư	D20_QT09	12,810,000	10%	1,281,000	
33	DH71803613	Mao Thục	Quân	D18_KD02	10,120,000	10%	1,012,000	
34	DH12006269	Mao Tấn	An	D20_CDT02	12,810,000	10%	1,281,000	
35	DH71800636	Huỳnh Phối	Nhi	D18_TC02	10,120,000	10%	1,012,000	
36	DH72001001	Huỳnh Phối	Loan	D20_QT02	12,810,000	10%	1,281,000	
37	DH71800997	Nguyễn Thị Yến	Linh	D18_TC02	10,120,000	10%	1,012,000	
38	DH72000627	Nguyễn Tấn	Thuận	D20_QT02	12,810,000	10%	1,281,000	
39	DH81801062	Nguyễn Thiên	Long	D18_XD01	11,478,000	10%	1,147,800	
40	DH72002407	Nguyễn Thị Thiên	Thanh	D20_QT07	12,810,000	10%	1,281,000	
41	DH71901304	Nguyễn Xuân Nhất	Khuê	D19_QT05	11,233,000	10%	1,123,300	
42	DH31901303	Nguyễn Xuân Nhị	Khuê	D19_DDT01	13,134,000	10%	1,313,400	
43	DH72001164	Trần Thị Bảo	Ngọc	D20_QT03	12,810,000	10%	1,281,000	
44	DH72001163	Trần Thị Bảo	Uyên	D20_QT03	12,810,000	10%	1,281,000	
45	DH81905083	Lâm Trường	Định	D19_XD02	9,038,000	10%	903,800	
46	DH51905084	Lâm Trường	Đạt	D19_TH08	8,197,000	10%	819,700	
47	DH72004515	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	D20_QT07	12,810,000	10%	1,281,000	
48	DH72004580	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	D20_QT07	12,810,000	10%	1,281,000	
49	DH61901821	Nguyễn Hoài	Đông	D19_TP01	10,749,000	10%	1,074,900	
50	DH72001354	Nguyễn Hoài	Phong	D20_QT02	12,810,000	10%	1,281,000	
Tổng cộng II							54,075,800	
Tổng cộng I + II							170,332,200	

(Một trăm bảy mươi triệu ba trăm ba mươi hai ngàn hai trăm đồng)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
**ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ
SÀI GÒN**

PGS, TS. CAO HÀO THI

